**PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO LƯƠNG SƠN**

**TRƯỜNG TH&THCS NHUẬN TRẠCH**

**KẾ HOẠCH GIÁO DỤC MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN LỚP 8**

**NĂM 2023 – 2024**

**I. Tổng hợp số tiết thực hiện cho khung chương trình cơ bản và các hoạt động giáo dục**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Lớp/ nhóm lớp | Học kì | **Số tiết (cả năm học)** | | | | | | | | | | | | | | | |
| **Các hoạt động dạy học trên lớp (dành cho cả lớp)** | | | | | | | | | | | | | Số tiết trải nghiệm, ngoại khóa (hoạt động ngoài lớp học, dành cho cả lớp/nhóm lớp, gắn với môn học, một buổi = 3 tiết) | | |
| **Số tiết theo khung quy định** | | | **Phân loại số tiết theo khung chương trình quy định** | | | | | | **Số lần KTTX** | | | **Tổng số tiết Khung quy định + tăng thời lượng** |
| Quy định dành cho môn học | số tiết tự chọn dành cho môn học | Tổng | Lý thuyết | Bài tập/ luyện tập | Ôn tập | Thực hành | Trả bài | Kiểm tra (từ 45 phút trở lên) | M | 15 | Thực hành | Trải nghiệm sáng tạo | Ngoại khóa | **Tổng số tiết hoạt động giáo dục** |
| 8 | Học kì I | 18 |  | 18 | 15 |  | 1 |  |  | 2 | 1 | 1 |  | 18 |  |  |  |
| Học kì II | 17 |  | 17 | 14 |  | 1 |  |  | 2 | 1 | 1 |  | 17 |  |  |  |
| **Cả năm** | **35** |  | **35** | **29** |  | **2** |  |  | **4** | **2** | **2** |  | **35** |  |  |  |

**II. Chương trình cụ thể**

**1. Quy định về chế độ kiểm tra, cho điểm(Căn cứ vào TT 22/2021/TT-BGD&ĐT ngày 20/7/2021)**

- Điểm hệ số 1: Mỗi học sinh có tối thiểu 02 điểm hệ số 1(ít nhất 01 điểm miệng và 01 điểm 15 phút 0 điểm thực hành)/ học kỳ.

- Điểm hệ số 2: Mỗi HS có 01bài, thời gian 45 phút (Bài kiểm tra giữa học kì)/ học kỳ.

- Điểm hệ số 3: 01 bài, thời gian 45 phút (Kiểm tra cuối học kì )/ học kỳ.

**2. Phân bố số tiết cho các chủ đề, chương**

**3. Kế hoạch chi tiết**

**KẾ HOẠCH GIÁO DỤC MÔN: GIÁO DỤC CÔNG DÂN**

**LỚP 8 - NĂM HỌC 2023 – 2024**

**Tổng số tiết trong năm học: 35**

**Học kì I: 18 tiết**

**Học kì II: 17 tiết**

**HỌC KÌ I**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên bài** | **Số tiết** | **Từ tiết…**  **Đến tiết** | **Yêu cầu về Năng lực,**  **Phẩm chất** | **Thiết bị dạy học** | **Ghi chú** |
| 1 | Bài 1. Tự hào về truyền thống dân tộc Việt Nam | 02 | 1,2 | **1. Về kiến thức**  - Nêu được một số truyền thống của dân tộc Việt Nam.  - Nhận biết được giá trị các truyền thống của dân tộc Việt Nam.  - Kể được một số biểu hiện của lòng tự hào về truyền thống dân tộc Việt Nam.  **2. Về năng lực**  *- Năng lực chung*:  + Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về truyền thống dân tộc.  + Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện các nhiệm vụ được phân công.  + Giải quyết vấn đề và sáng tạo ở những tình huống liên quan đến truyền thống dân tộc.  *- Năng lực đặc thù:*  + Năng lực điều chỉnh hành vi: Thực hiện và đánh giá được những hành vi, việc làm của bản thân và những người xung quanh trong việc thể hiện lòng tự hào về truyền thống dân tộc Việt Nam.  + Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội: Nhận biết được một số hiện tượng, sự kiện, vấn đề trong đời sống xã hội liên quan đến niềm tự hào về truyền thống dân tộc; Bước đầu biết cách thu thập, xử lí thông tin, tìm hiểu một số hiện tượng, sự kiện, tình huống về lòng tự hào truyền thống dân tộc trong thực tiễn; Vận dụng được các kiến thức đã học để phân tích, đánh giá, xử lí tình huống trong thực tiễn về truyền thống dân tộc Việt Nam.  **3.Về phẩm chất**  *- Yêu nước:* Tích cực, chủ động tham gia các hoạt động tìm hiểu truyền thống của dân tộc; tích cực học tập, rèn luyện để phát huy truyền thống dân tộc  *- Trách nhiệm:* Sống có trách nhiệm thể hiện qua niềm tự hào về truyền thống và những giá trị trị quý báu của truyền thống dân tộc Việt Nam, phê phán những việc làm trái ngược với truyền thống tốt đẹp của dân tộc. | **1. Thiết bị dạy học**  - Máy tính, máy chiếu, bảng phụ;  - Giấy khổ lớn, phiếu học tập;  **2. Học liệu**  - SGK, SGV, Sách bài tập GDCD 8  - Băng/ đĩa/ clip bài hát có chủ đề  - Các video, tranh ảnh liên quan đến bài học. |  |
| 2 | Bài 2. Tôn trọng sự đa dạng của các dân tộc | 03 | 3,4,5 | **1. Về kiến thức**  - Nêu được một số biểu hiện của sự đa dạng của các dân tộc và các nền văn hóa trên thế giới.  - Hiểu được ý nghĩa của việc tôn trọng sự đa dạng của các nền văn hoá trên thế giới. Thể hiện được bằng lời nói và việc làm thái độ tôn trọng sự đa dạng của các dân tộc và các nền văn hoá trên thế giới.  - Phê phán những hành vi kì thị, phân biệt chủng tộc  **2. Về năng lực**  *- Năng lực chung:*  + Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về nền văn hóa các dân tộc.  + Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện các nhiệm vụ được phân công.  + Giải quyết vấn đề và sáng tạo ở những tình huống liên quan đến nền văn hóa các dân tộc trên thế giới.  *- Năng lực đặc thù:*  + Năng lực điều chỉnh hành vi: tích cực tìm hiểu để biết được những biểu hiện của sự đa dạng các dân tộc và các nền văn hoá trên thế giới, hiểu được ý nghĩa của việc tôn trọng sự đa dạng của các dân tộc và các nền văn hoá trên thế giới.  + Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội: Bước đầu biết cách thu thập, xử lí thông tin, tìm hiểu về sự đa dạng của các dân tộc và các nền văn hoá trên thế giới; Vận dụng được các kiến thức đã học để phân tích, đánh giá, xử lí tình huống trong thực tiễn có liên quan đến việc tôn trọng sự đa dạng của các dân tộc.  **3. Về phẩm chất**  *-Nhân ái:* Biểu hiện ở cả lời nói và việc làm đó là luôn luôn tôn trọng sự đa dạng của các dân tộc và các nền văn hoá trên thế giới  *- Trách nhiệm:* Thể hiện ở sự tôn trọng sự đa dạng của các dân tộc và các nền văn hoá trên thế giới. | **1. Thiết bị dạy học**  - Máy tính, máy chiếu, bảng phụ.  - Giấy khổ lớn, phiếu học tập.  **2. Học liệu**  - SGK, SGV, Sách bài tập GDCD 8  - Băng/ đĩa/ clip bài hát có chủ đề yêu thương con người.  - Các video, tranh ảnh liên quan đến bài học. |  |
| 3 | Bài 3. Lao động cần cù, sáng tạo | 02 | 6,7 | **1. Về kiến thức**  - Nêu được khái niệm cầu cù, sáng tạo trong lao động và một số biểu hiện của cần cù, sáng tạo trong lao động.  - Giải thích được ý nghĩa của cần cù, sáng tạo trong lao động.  - Thể hiện được sự cần cù, sáng tạo trong lao động của bản thân **2. Về năng lực**  *- Năng lực chung:*  + Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về lao động cần cù, sáng tạo.  + Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện các nhiệm vụ được phân công.  + Giải quyết vấn đề và sáng tạo ở những tình huống liên quan đến lao động cần cù, sáng tạo.  *- Năng lực đặc thù*:  + Năng lực điều chỉnh hành vi: Thể hiện được sự cần cù, sáng tạo trong lao động của bản thân; Trân trọng những thành quả lao động, quý trọng và học hỏi những tấm gương cần cù, sáng tạo trong lao động; Phê phán nhũng biểu hiện chây lười, thụ động trong lao động.  + Năng lực phát triển bản thân: Tự nhận thức được sở thích, điểm mạnh, điểm yếu của bản thân trong việc thực hiện cần cù, sáng tạo trong lao động hằng ngày.  + Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội: Nhận biết được một số hiện tượng, vấn đề của đời sống xã hội liên quan đến cần cù, sáng tạo trong lao động; Bước đầu biết cách thu thập, xử lí thông tin, tìm hiểu một số hiện tượng, sự kiện, tình huống phản ánh sự cần cù, sáng tạo trong lao động; Lựa chọn, đề xuất được cách giải quyết và tham gia giải quyết vấn đề liên quan đến thực hiện cần cù, sáng tạo trong lao động ở đời sống thực tế.  **3. Về phẩm chất**  *- Chăm chỉ:* Tích cực, tự giác tham gia các hoạt động lao động phù hợp với lứa tuổi.  *- Trách nhiệm:* Có trách nhiệm, trung thực và không ngừng sáng tạo trong lao động. | **1. Thiết bị dạy học:** Máy chiếu, màn hình, máy tính, giấy A0, tranh ảnh.  **2. Học liệu:** Sách giáo khoa, sách giáo viên, sách bài tập *Giáo dục công dân 8,* tư liệu báo chí, thông tin, clip. |  |
| 4 | Kiểm tra  giữa kì I | 01 | 8 | **1. Kiến thức**  - Học sinh củng cố những kiến thức có bản đã được học  - Vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn cuộc sống.  - Là cơ sở để giáo viên đánh giá quá trình học tập và rèn luyện của học sinh.  **2. Năng lực**  *-Năng lực điều chỉnh hành:* Biết vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn cuộc sống, hình thành thói quen suy nghĩ và hành động phù hợp với  lứa tuổi  *-Năng lực phát triển bảnthân:* Tự nhận thức đánh giá bản thân; lập và thực hiện kế hoạch hoàn thiện bản thân nhằm có những điều chỉnh phù hợp cho qua trình học tập  **3. Về phẩm chất:**  *-Trungthực*: Luôn thống nhất giữa lời nói với việc làm; nghiêm túc nhìn nhận những khuyết điểm của bản thân trong quá trình học tập để điều chỉnh cho phù hợp  *-Tráchnhiệm*: Hoàn thành tốt quá trình học tập và rèn luyện nhằm đạt được mục đích đặt ra | Đề kiểm tra |  |
| 5 | Bài 4: Bảo vệ lẽ phải | 02 | 9,10 | **1. Về kiến thức**  - Giải thích được một cách đơn giản về sự cần thiết phải bảo vệ lẽ phải.  - Thực hiện được việc bảo vệ lẽ phải bằng lời nói và hành động cụ thể, phù hợp với lứa tuổi  **2. Về năng lực**  *- Năng lực chung:*  + Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về bảo vệ lẽ phải.  + Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện các nhiệm vụ được phân công.  + Giải quyết vấn đề và sáng tạo ở những tình huống liên quan đến bảo vệ lẽ phải.  *- Năng lực đặc thù:*  + Năng lực điều chỉnh hành vi: Thực hiện được việc bảo vệ lẽ phải bằng lời nói và hành động cụ thể phù hợp với lứa tuổi; Khích lệ, động viên bạn bè có thái độ, hành vi bảo vệ lẽ phải, phê phán thái độ, hành vi không bảo vệ lẽ phải.  + Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội: Nhận biết được một số hiện tượng, sự kiện, vấn đề của đời sống xã hội về bảo vệ lẽ phải; Bước đầu biết cách thu thập, xử lí thông tin, tìm hiểu một số hiện tượng, sự kiện, tình huống về bảo vệ lẽ phải trong đời sống thực tế; Lựa chọn, đề xuất được cách giải quyết và tham gia giải quyết vấn đề bảo vệ lẽ phải trong một số tình huống cụ thể.  **3. Về phẩm chất**  *- Trung thực*: Luôn thống nhất giữa lời nói với việc làm; nghiêm túc nhìn nhận những khuyết điểm của bản thân và chịu trách nhiệm về mọi lời nói, hành vi của bản thân; tôn trọng lẽ phải; bảo vệ điều hay, lẽ phải trước mọi người;  - *Trách nhiệm:* Có trách nhiệm về lời nói và hành vi của mình trong học tập và trong cuộc sống | **1. Thiết bị dạy học:** Máy chiếu, màn hình, máy tính, giấy A0, tranh ảnh.  **2. Học liệu:** Sách giáo khoa, sách giáo viên, sách bài tập *Giáo dục công dân 8*, tư liệu báo chí, thông tin, clip. |  |
| 6 | Bài 5: Bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên | 03 | 11,12,  13 | **1. Về kiến thức**  - Giải thích được sự cần thiết phải bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên  – Nếu được một số quy định cơ bản của pháp luật về bảo vệ môi trường tài nguyên thiên nhiên; một số biện pháp cần thiết để bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên.  - Nếu được trách nhiệm của học sinh trong việc bảo vệ môi trường tài nguyên thiên nhiên,  **2. Về năng lực**  - Năng lực chung:  + Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên.  + Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện các nhiệm vụ được phân công.  + Giải quyết vấn đề và sáng tạo ở những tình huống liên quan đến bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên.  - Năng lực đặc thù:  + Năng lực điều chỉnh hành vi: Thực hiện được việc bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên bằng những việc làm phù hợp với lứa tuổi; Phê phán, đấu tranh với nhũng hành vi gây ô nhiễm môi trường và phá hoại tài nguyên thiên nhiên.  + Năng lực phát triển bản thân: Tự nhận thức được sở thích, điểm mạnh, điểm yếu của bản thân trong việc tham gia bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên; Lập và thực hiện được kế hoạch bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên ở địa phương.  + Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội: Nhận biết được một số hiện tượng, vấn đề của đời sống xã hội về bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên; Bước đầu biết cách thu thập, xử lí thông tin, tìm hiểu một số hiện tượng, sự kiện, tình huống về bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên; Lựa chọn, đề xuất được cách giải quyết và tham gia giải quyết được một số vấn đề bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên trong đời sống thực tế.  **3. Về phẩm chất**  *- Chăm chỉ*: Tích cực, tự giác tham gia các hoạt động bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên phù hợp với lứa tuổi.  *- Trách nhiệm:* Trong việc bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên. | **1. Thiết bị dạy học:**  - Máy tính, máychiếu, giấy A0, bút dạ , tranh ảnh..  - Kế hoạch bài học.  **2. Học liệu:** sgk, bảng phụ, tranh ảnh, các thông tin tư liệu...liên quan đến bài học.  \* Chuẩn bị của học sinh**:** Sgk, vở ghi, nghiên cứu bài. |  |
| 7 | Bài 6. Phòng, chống bạo lực gia đình | 03 | 14,15,  16 | **1.Về kiến thức**  - Kể được các hình thức bạo lực gia đình phổ biến;  - Phân tích được tác hại của hành vi bạo lực gia đình đối với cá nhân, gia đình và xã hội; Nêu được một số quy định của pháp luật về phòng, chống bạo lực gia đình; Biết cách phòng, chống bạo lực gia đình;  **2. Về năng lực**  *- Năng lực chung:*  + Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về phòng chống bạo lực gia đình.  + Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện các nhiệm vụ được phân công.  + Giải quyết vấn đề và sáng tạo ở những tình huống liên quan đến phòng chống bạo lực gia đình.  *- Năng lực đặc thù:*  + Năng lực điều chỉnh hành vi: phân tích đánh giá được một số hiện tượng bạo lực gia đình trong thực tiễn cuộc sống; Vận dụng được các kiến thức đã học để phân tích, đánh giá, xử lí tình huống, tham gia các hoạt động phòng, chống bạo lực gia đình trong thực tiễn.  + Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội: Chủ động tích cực tham gia vào các hoạt động để phòng, chống bạo lực gia đình  **3. Về phẩm chất**  -*Nhân ái:* Trân trọng danh dự, sức khoẻ của người khác; không đồng tình với cái ác, cái xấu; không cổ xuý, không tham gia các hành vi bạo lực gia đình  *-Trách nhiệm*: Trung thực, trách nhiệm, dũng cảm đấu tranh phòng, chống các hành vi bạo lực trong gia đình và cộng đồng. | **1. Thiết bị dạy học:**  - Máy tính, máychiếu, giấy A0, bút dạ, tranh ảnh…  - Kế hoạch bài học.  **2. Học liệu:** sgk, bảng phụ, tranh ảnh, các thông tin tư liệu ...liên quan đến bài học. |  |
| 8 | Ôn tập cuối kì I | 01 | 17 | **1. Kiến thức**  - Học sinh củng cố những kiến thức cơ bản đã được học  - Vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn cuộc sống.  - Là cơ sở để học sinh có kiến thức làm bài kiểm tra đánh giá theo yêu cầu  **2. Năng lực**  *-Năng lực điều chỉnh hành:* Biết vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn cuộc sống, hình thành thói quen suy nghĩ và hành động phù hợp với lứa tuổi  *-Năng lực phát triển bản thân:* Tự nhận thức đánh giá bản thân; lập và thực hiện kế hoạch hoàn thiện bản thân nhằm có những điều chỉnh phù hợp cho quá trình học tập  **3. Về phẩm chất:**  *- Trung thực*: Luôn thống nhất giữa lời nói với việc làm; nghiêm túc nhìn nhận những khuyết điểm của bản thân trong quá trình học tập để điều chỉnh cho phù hợp  *- Trách nhiệm*: Hoàn thành tốt quá trình ôn tập và rèn luyện nhằm đạt được mục đích đặt ra | **1. Thiết bị dạy học**  - Máy tính, máychiếu, SGK, nội dung ôn tập, các câu hỏi, các bài tập có liên quan đến các phần ôn tập.  - Kế hoạch bài học.  **2. Học liệu:**Sgk, các thông tin tư liệu liên quan đến bài học. |  |
| 9 | Kiểm tra  cuối kì I | 01 | 18 | **1. Kiến thức**  - Học sinh củng cố những kiến thức có bản đã được học  - Vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn cuộc sống.  - Là cơ sở để giáo viên đánh giá quá trình học tập và rèn luyện của học sinh.  **2. Năng lực**  *-Năng lực điều chỉnh hành:* Biết vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn cuộc sống, hình thành thói quen suy nghĩ và hành động phù hợp với  lứa tuổi  *-Năng lực phát triển bảnthân:* Tự nhận thức đánh giá bản thân; lập và thực hiện kế hoạch hoàn thiện bản thân nhằm có những điều chỉnh phù hợp cho qua trình học tập  **3. Về phẩm chất:**  *-Trungthực*: Luôn thống nhất giữa lời nói với việc làm; nghiêm túc nhìn nhận những khuyết điểm của bản thân trong quá trình học tập để điều chỉnh cho phù hợp  *-Tráchnhiệm*: Hoàn thành tốt quá trình học tập và rèn luyện nhằm đạt được mục đích đặt ra | Đề kiểm tra |  |

**HỌC KÌ II**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên bài** | **Số tiết** | **Từ tiết…**  **Đến tiết…** | **Yêu cầu về Năng lực,**  **Phẩm chất** | **Thiết bị dạy học** | **Ghi chú** |
| 10 | Bài 7. Xác định mục tiêu cá nhân | 03 | 19,20,21 | 1. **Về kiến thức**  - Nhận biết được thế nào là mục tiêu cá nhân; các loại mục tiêu cá nhân.  - Hiểu vì sao phải xác định mục tiêu cá nhân.  - Nêu được cách xác định mục tiêu và lập kế hoạch thực hiện mục tiêu cá nhân.  - Xây dựng được mục tiêu cá nhân của bản thân và kế hoạch hành động nhằm đạt mục tiêu đỏ.  **2. Về năng lực**  *- Năng lực chung:*  + Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về xác định mục tiêu và lập kế hoạch thực hiện mục tiêu cá nhân.  + Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện các nhiệm vụ được phân công.  + Giải quyết vấn đề và sáng tạo ở những tình huống liên quan đến việc xác định mục tiêu và lập kế hoạch thực hiện mục tiêu cá nhân.  *- Năng lực đặc thù:*  + Năng lực điều chỉnh hành vi: Biết cách xác định mục tiêu và lập kế hoạch thực hiện mục tiêu cá nhân.  + Năng lực phát triển bản thân: Tự nhận thức được sở thích, điểm mạnh, điểm yếu của bản thân trong việc xác định mục tiêu và lập kế hoạch thực hiện mục tiêu cá nhân; Xây dựng được mục tiêu của bản thân và kế hoạch hành động nhằm đạt mục tiêu đó.  - Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội: Nhận biết được một số hiện tượng, vấn đề của đời sống xã hội về xác định mục tiêu cá nhân; Bước đầu biết cách thu thập, xử lí thông tin, tìm hiểu một số hiện tượng, tình huống về xác định mục tiêu cá nhân; Lựa chọn, đề xuất được cách giải quyết và tham gia giải quyết được một số vấn đề về xác định mục tiêu cá nhân trong đời sống thực tế.  **3. Về phẩm chất**  *- Chăm chỉ:* Luôn vươn lên để đạt kết quả tốt trong học tập, lao động và các hoạt động xã hội phù hợp với lứa tuổi  - Trách nhiệm: Có trong việc xác định mục tiêu và lập kế hoạch thực hiện mục tiêu cá nhân. | **1. Phương tiện thiết bị:**  - Máy chiếu, máy tính, bảng phụ…  - Băng/ đĩa/ clip bài hát, hình ảnh về nội dung môn học;  - Phiều học tập về nội dung bài học.  **2. Học liệu**  - SGK, SGV, sách bài tập GDCD 8;  - Các video clip liên quan đến chủ đề |  |
| 11 | Bài 8. Lập kế hoạch chi tiêu | 04 | 22,23,24,25 | **1. Về kiến thức**  - Nhận biết được thế nào là mục tiêu cá nhân; các loại mục tiêu cá nhân.  - Hiểu vì sao phải xác định mục tiêu cá nhân.  - Nêu được cách xác định mục tiêu và lập kế hoạch thực hiện mục tiêu cá nhân.  - Xây dựng được mục tiêu cá nhân của bản thân và kế hoạch hành động nhằm đạt mục tiêu đỏ.  **2. Về năng lực**  *- Năng lực chung:*  + Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về xác định mục tiêu và lập kế hoạch thực hiện mục tiêu cá nhân.  + Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện các nhiệm vụ được phân công.  + Giải quyết vấn đề và sáng tạo ở những tình huống liên quan đến việc xác định mục tiêu và lập kế hoạch thực hiện mục tiêu cá nhân.  *- Năng lực đặc thù:*  + Năng lực điều chỉnh hành vi: Biết cách xác định mục tiêu và lập kế hoạch thực hiện mục tiêu cá nhân.  + Năng lực phát triển bản thân: Tự nhận thức được sở thích, điểm mạnh, điểm yếu của bản thân trong việc xác định mục tiêu và lập kế hoạch thực hiện mục tiêu cá nhân; Xây dựng được mục tiêu của bản thân và kế hoạch hành động nhằm đạt mục tiêu đó.  - Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội: Nhận biết được một số hiện tượng, vấn đề của đời sống xã hội về xác định mục tiêu cá nhân; Bước đầu biết cách thu thập, xử lí thông tin, tìm hiểu một số hiện tượng, tình huống về xác định mục tiêu cá nhân; Lựa chọn, đề xuất được cách giải quyết và tham gia giải quyết được một số vấn đề về xác định mục tiêu cá nhân trong đời sống thực tế.  **3. Về phẩm chất**  - Chăm chỉ: Luôn vươn lên để đạt kết quả tốt trong học tập, lao động và các hoạt động xã hội phù hợp với lứa tuổi  - Trách nhiệm: Trong việc xác định mục tiêu và lập kế hoạch thực hiện mục tiêu cá nhân. | **1. Thiết bị dạy học**  - Máy tính, máy chiếu, bảng phụ;  - Giấy khổ lớn, phiếu học tập.  **2. Học liệu**  - SGK, SGV, Sách bài tập GDCD 8;  - Băng/ đĩa/ clip bài hát, , tranh ảnhliên quan đến bài học. |  |
| 12 | Kiểm tra giữa kì II | 1 | 26 | **1. Kiến thức**  - Học sinh củng cố những kiến thức có bản đã được học  - Vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn cuộc sống.  - Là cơ sở để giáo viên đánh giá quá trình học tập và rèn luyện của học sinh.  **2. Năng lực**  *Năng lực điều chỉnh hành:* Biết vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn cuộc sống, hình thành thói quen suy nghĩ và hành động phù hợp với  lứa tuổi  *Năng lực phát triển bản thân:* Tự nhận thức đánh giá bản thân; lập và thực hiện kế hoạch hoàn thiện bản thân nhằm có những điều chỉnh phù hợp cho qua trình học tập  **3. Về phẩm chất:**  *- Trung thực*: Luôn thống nhất giữa lời nói với việc làm; nghiêm túc nhìn nhận những khuyết điểm của bản thân trong quá trình học tập để điều chỉnh cho phù hợp  *- Trách nhiệm*: Hoàn thành tốt quá trình học tập và rèn luyện nhằm đạt được mục đích đặt ra | Đề kiểm tra**.** |  |
| 13 | Bài 9. Phòng ngừa tại nạn vũ khí, cháy nổ và các chất độc hại | 03 | 27,28,29 | **1. Về kiến thức**  - Kể được tên một số tai nạn vũ khí, cháy, nổ và chất độc hại; nhận diện được một số nguy cơ dẫn đến tai nạn vũ khí, cháy, nổ và chất độc hại.  - Trình bày được hậu quả của tai nạn vũ khí, cháy, nổ và chất độc hại.  - Nêu được quy định cơ bản của pháp luật về phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại.  **2. Về năng lực**  *- Năng lực chung:*  + Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại.  + Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện các nhiệm vụ được phân công.  + Giải quyết vấn đề và sáng tạo ở những tình huống liên quan đến phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại.  - *Năng lực đặc thù:*  + Năng lực điều chỉnh hành vi: Có thói quen tự bảo vệ bản thân, tuyên truyền vận động mọi người cùng nâng cao cảnh giác đề phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại.  + Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội: Tìm hiểu, phân tích được một số tai nạn vũ khí, cháy, nổ và chất độc hại trong thực tiễn cuộc sống; Vận dụng được các kiến thức đã học để phân tích, đánh giá, xử lí tình huống, tham gia các hoạt động phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại trong đời sống thực tiễn.  **3. Về phẩm chất**  - Trách nhiệm: Trong phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại.  *- Nhân ái:* Trân trọng danh dự, sức khoẻ của mình và người khác; không đồng tình với các hành vi sử dụng vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại làm ảnh hưởng đến sức khỏe của người khác | **1.Thiết bị dạy học:** Máy chiếu, màn hình, máy tính, giấy A0, tranh ảnh.  **2. Học liệu:** Sách giáo khoa, sách giáo viên, sách bài tập *Giáo dục công dân 8,* tư liệu báo chí, thông tin, clip. |  |
| 14 | Bài 10: Quyền và nghĩa vụ lao động của công dân | 04 | 30,31,32,33 | **1. Về kiến thức**  - Phân tích được tầm quan trọng của lao động đối với đời sống con người.  - Nêu được một số quy định của pháp luật về quyền, nghĩa vụ lao động của công dân và lao động  - Nêu được một số quyền và nghĩa vụ cơ bản của các bên tham gia hợp đồng lao động, lập được hợp đồng lao động có nội dung đơn giản giữa người sử dụng lao động của người lao động.  **2. Về năng lực**  *- Năng lực chung:*  + Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về quyền, nghĩa vụ lao động của công dân.  + Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện các nhiệm vụ được phân công.  + Giải quyết vấn đề và sáng tạo ở những tình huống liên quan đến quyền, nghĩa vụ lao động của công dân.  - *Năng lực đặc thù:*  + Năng lực phát triển bản thân: Tự đánh giá được thái độ, hành vi lao động của bản thân trong đời sống thực tế; Có kế hoạch và thực hiện kế hoạch khắc phục, cải thiện những điểm chưa tốt, chưa phù hợp trong lao động của bản thân.  + Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội: Tìm hiểu, phân tích được một số hiện tượng về quyền và nghĩa vụ lao động của công dân trong thực tiễn cuộc sống; Vận dụng được các kiến thúc đã học để phân tích, đánh giá, xử lí tình huống trong thực tiễn có liên quan đến quyền và nghĩa vụ lao động của công dân.  **3. Về phẩm chất**  *- Chăm chỉ*: Tích cực, chủ động tham gia lao động ở gia đinh, trường, lớp và cộng đồng phù hợp với lứa tuổi  - *Trách nhiệm:* Thực hiện tốt mọi quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ lao động của công dân, lao động chưa thành niên, quyền và nghĩa vụ cơ bản của các bên tham gia hợp đồng lao động. | **1. Thiết bị dạy học**  - TV, máy chiếu, máy tính, bảng phụ…(nếu có);  - Phiếu học tập, giấy khổ lớn…  **2. Học liệu**  - SGK, SGV, sách bài tập GDCD 8;  - Băng/đĩa/clip bài hát, tranh, hình ảnh về nội dung bài học. |  |
| 15 | Ôn tập cuối kì II | 01 | 34 | **1. Kiến thức**  - Học sinh củng cố những kiến thức cơ bản đã được học  - Vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn cuộc sống.  - Là cơ sở để học sinh có kiến thức làm bài kiểm tra đánh giá theo yêu cầu  **2. Năng lực**  *-Năng lực điều chỉnh hành:* Biết vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn cuộc sống, hình thành thói quen suy nghĩ và hành động phù hợp với lứa tuổi  *-Năng lực phát triển bản thân:* Tự nhận thức đánh giá bản thân; lập và thực hiện kế hoạch hoàn thiện bản thân nhằm có những điều chỉnh phù hợp cho quá trình học tập  **3. Về phẩm chất:**  *- Trung thực*: Luôn thống nhất giữa lời nói với việc làm; nghiêm túc nhìn nhận những khuyết điểm của bản thân trong quá trình học tập để điều chỉnh cho phù hợp  *- Trách nhiệm*: Hoàn thành tốt quá trình ôn tập và rèn luyện nhằm đạt được mục đích đặt ra | **1. Thiết bị dạy học**  - Máy tính, máychiếu, SGK, nội dung ôn tập, các câu hỏi, các bài tập có liên quan đến các phần ôn tập.  - Kế hoạch bài học.  **2. Học liệu:** sgk, các thông tin tư liệu liên quan đến bài học. |  |
| 16 | Kiểm tra cuối kì II | 01 | 35 | **1. Kiến thức**  - Học sinh củng cố những kiến thức có bản đã được học  - Vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn cuộc sống.  - Là cơ sở để giáo viên đánh giá quá trình học tập và rèn luyện của học sinh.  **2. Năng lực**  *-Năng lực điều chỉnh hành:* Biết vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn cuộc sống, hình thành thói quen suy nghĩ và hành động phù hợp với lứa tuổi  *-Năng lực phát triển bản thân:* Tự nhận thức đánh giá bản thân; lập và thực hiện kế hoạch hoàn thiện bản thân nhằm có những điều chỉnh phù hợp cho qua trình học tập  **3. Về phẩm chất:**  *- Trung thực*: Luôn thống nhất giữa lời nói với việc làm; nghiêm túc nhìn nhận những khuyết điểm của bản thân trong quá trình học tập để điều chỉnh cho phù hợp  *- Trách nhiệm*: Hoàn thành tốt quá trình học tập và rèn luyện nhằm đạt được mục đích đặt ra | Đề kiểm tra |  |

*Lương Sơn, ngày tháng 8 năm 2023*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nhóm môn xây dựng kế hoạch** | **Duyệt của Tổ chuyên môn** | **HIỆU TRƯỞNG** |
|  |  |  |
| **Nguyễn Thị Thanh Xuân** |  |  |

# Đánh giá định kỳ

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài kiểm tra, đánh giá** | **Thời gian** | **Thời điểm** | **Yêu cầu cần đạt** | **Hình thức** |
| **Giữa Học kỳ 1** | **45** | **Tuần 8** | **1. Kiến thức**  - Học sinh củng cố những kiến thức có bản đã được học  - Vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn cuộc sống.  - Là cơ sở để giáo viên đánh giá quá trình học tập và rèn luyện của học sinh.  **2. Năng lực**  *-Năng lực điều chỉnh hành:* Biết vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn cuộc sống, hình thành thói quen suy nghĩ và hành động phù hợp với  lứa tuổi  *-Năng lực phát triển bảnthân:* Tự nhận thức đánh giá bản thân; lập và thực hiện kế hoạch hoàn thiện bản thân nhằm có những điều chỉnh phù hợp cho qua trình học tập  **3. Về phẩm chất:**  *-Trungthực*: Luôn thống nhất giữa lời nói với việc làm; nghiêm túc nhìn nhận những khuyết điểm của bản thân trong quá trình học tập để điều chỉnh cho phù hợp  *-Tráchnhiệm*: Hoàn thành tốt quá trình học tập và rèn luyện nhằm đạt được mục đích đặt ra | Trắc nghiệm: 30%  Tự luận: 70% |
| **Cuối Học kỳ 1** | **45** | **Tuần 18** | **1. Kiến thức**  - Học sinh củng cố những kiến thức có bản đã được học  - Vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn cuộc sống.  - Là cơ sở để giáo viên đánh giá quá trình học tập và rèn luyện của học sinh.  **2. Năng lực**  *-Năng lực điều chỉnh hành:* Biết vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn cuộc sống, hình thành thói quen suy nghĩ và hành động phù hợp với  lứa tuổi  *-Năng lực phát triển bảnthân:* Tự nhận thức đánh giá bản thân; lập và thực hiện kế hoạch hoàn thiện bản thân nhằm có những điều chỉnh phù hợp cho qua trình học tập  **3. Về phẩm chất:**  *-Trungthực*: Luôn thống nhất giữa lời nói với việc làm; nghiêm túc nhìn nhận những khuyết điểm của bản thân trong quá trình học tập để điều chỉnh cho phù hợp  *-Tráchnhiệm*: Hoàn thành tốt quá trình học tập và rèn luyện nhằm đạt được mục đích đặt ra | Trắc nghiệm: 30%  Tự luận: 70% |
| **Giữa Học kỳ 2** | **45** | **Tuần 26** | **1. Kiến thức**  - Học sinh củng cố những kiến thức có bản đã được học  - Vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn cuộc sống.  - Là cơ sở để giáo viên đánh giá quá trình học tập và rèn luyện của học sinh.  **2. Năng lực**  *-Năng lực điều chỉnh hành:* Biết vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn cuộc sống, hình thành thói quen suy nghĩ và hành động phù hợp với  lứa tuổi  *-Năng lực phát triển bảnthân:* Tự nhận thức đánh giá bản thân; lập và thực hiện kế hoạch hoàn thiện bản thân nhằm có những điều chỉnh phù hợp cho qua trình học tập  **3. Về phẩm chất:**  *-Trungthực*: Luôn thống nhất giữa lời nói với việc làm; nghiêm túc nhìn nhận những khuyết điểm của bản thân trong quá trình học tập để điều chỉnh cho phù hợp  *-Tráchnhiệm*: Hoàn thành tốt quá trình học tập và rèn luyện nhằm đạt được mục đích đặt ra | Trắc nghiệm: 30%  Tự luận: 70% |
| **Cuối Học kỳ 2** | **45** | **Tuần 35** | **1. Kiến thức**  - Học sinh củng cố những kiến thức có bản đã được học  - Vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn cuộc sống.  - Là cơ sở để giáo viên đánh giá quá trình học tập và rèn luyện của học sinh.  **2. Năng lực**  *Năng lực điều chỉnh hành:* Biết vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn cuộc sống, hình thành thói quen suy nghĩ và hành động phù hợp với  lứa tuổi  *Năng lực phát triển bảnthân:* Tự nhận thức đánh giá bản thân; lập và thực hiện kế hoạch hoàn thiện bản thân nhằm có những điều chỉnh phù hợp cho qua trình học tập  **3. Về phẩm chất:**  *Trungthực*: Luôn thống nhất giữa lời nói với việc làm; nghiêm túc nhìn nhận những khuyết điểm của bản thân trong quá trình học tập để điều chỉnh cho phù hợp  *Tráchnhiệm*: Hoàn thành tốt quá trình học tập và rèn luyện nhằm đạt được mục đích đặt ra | Trắc nghiệm: 30%  Tự luận: 70% |

# Các nội dung khác (nếucó):

..............................................................................................................................................................................................

..............................................................................................................................................................................................

..............................................................................................................................................................................................

..............................................................................................................................................................................................

..............................................................................................................................................................................................

|  |  |
| --- | --- |
| TỔ TRƯỞNG *(Ký và ghi rõ họ tên)* | *….,ngày 9 tháng năm2023* HIỆU TRƯỞNG *(Ký và ghi rõ họ tên)* |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tiết** | **Bài dạy/chủ đề** | **Mạch nội dung** | **Ghi chú** |
| **HỌC KỲ I** ( 18 tuần x1 tiết/1 tuần) | | Phần đạo đức: 12 tiết  Kiểm tra giữa kỳ 1:  1 tiết | Thiếu phàn đạo đức 1 tiết bù vào tiết ôn tập cuối kỳ 1 |
| Tiết 1,2 | Bài 1: Tự hào về truyền thống dân tộc Việt Nam |
| Tiết 3,4, 5 | Bài 2: Tôn trọng sự đa dạng của các dân tộc |
| Tiết 6, 7 | Bài 3: Lao động cần cù, sáng tạo |
| Tiết 8 | Kiểm tra giữa kỳ 1 |
| Tiết 9,10 | Bài 4: Bảo vệ lẽ phải |
| Tiết 11, 12, 13 | Bài 5: Bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên |
| Tiết 14, 15, 16 | Bài 6: Phòng, chống bạo lực gia đình | Phần KNS 3 tiết |
| Tiết 17 | Ôn tập cuối kỳ | Ôn tâp 1 |
| Tiết 18 | Kiểm tra cuối kỳ 1 | Kiếm tra 1 |
|  | **HỌC KỲ II**( 17 tuần x1 tiết/1 tuần) |  |  |
| Tiết 19, 20, 21 | Bài 7: Xác định mục tiêu cá nhân | Phần KNS 3tiết | Thiếu phần pháp luật bù 1 tiết vào ôn tập cuối kỳ 2 |
| Tiết 22,23, 24, 25 | Bài 8: Lập kế hoạch chi tiêu | Phần kinh tế 4 tiêt |
| Tiết 26 | Kiểm tra giữa kỳ 2 |  |
| Tiết 27, 28, 29 | Bài 9: Phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy nổ và các chất độc hại | Phần pháp luật 7 tiết |
| Tiết 30, 31, 32, 33 | Bài 10: Quyền và nghĩa vụ lao động của công dân |
| Tiết 34 | Ôn tập cuối kỳ 2 | Ôn tâp 1 |
| Tiết 35 | Kiểm tra cuối kỳ 2 | Kiếm tra 1 |
|  | **Tổng** | **35 tiết** |  |